

DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 1 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1487/QĐ-ĐHK-T-QLKH ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
1.	Vai trò của tín dụng vi mô trong việc ứng phó lại các cú sốc về sức khỏe - trường hợp các hộ gia đình ở vùng nông thôn Việt Nam. NCS-2016-01	NCS Phạm Tiến Thành	<p>Sự cần thiết: Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về vai trò của tín dụng vi mô trong việc cải thiện mức sống của các hộ gia đình thông qua tăng thu nhập, tiêu dùng, tiếp cận y tế, nước sạch, v.v... Ở Việt Nam cũng đã có nhiều nghiên cứu về vai trò của tín dụng vi mô tuy nhiên vẫn cho có nghiên cứu nào về vai trò của tín dụng vi mô trong việc giúp các hộ gia đình ở nông thôn ứng phó lại với các cú sốc về sức khỏe. Do đó, nghiên cứu này sẽ là một bằng chứng thực nghiệm giúp các nhà làm chính sách và các nhà nghiên cứu nhận biết thêm về một vai trò khác của tín dụng vi mô.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích vai trò của tín dụng vi mô trong việc giúp cho các hộ gia đình có thể giảm thiểu các vấn đề do sức khỏe sử dụng bộ dữ liệu năm 2010 và 2012.</p>	<p>Nội dung nghiên cứu: TÓM TẮT CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤ LỤC</p> <p>Phương pháp nghiên cứu: Dựa trên mô hình nghiên cứu của Islam và Maitra (2012), tuy nhiên do giới hạn về dữ liệu nên nghiên cứu này chỉ sử dụng dữ liệu từ 2 đợt khảo sát nên mô hình được điều chỉnh như sau: $\Delta Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 HS_{i,t} + \beta_2 X_{i,t} + \delta_i + \varepsilon_{i,t}$ (1) $\Delta Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 HS_{i,t} + \beta_2 (HS_{i,t} * CR_{i,t}) + \beta_3 X_{i,t} + \delta_i + \varepsilon_{i,t}$ (2) Nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu từ hai cuộc khảo sát Mức sống hộ gia đình Việt Nam (KSMS) năm</p>	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội là một bằng chứng thực nghiệm giúp các nhà làm chính sách nhận biết được và hiểu thêm về một vai trò khác của tín dụng vi mô, đó chính là giúp người dân ứng phó lại các vấn đề về sức khỏe. Từ đó, các nhà làm chính sách có thể nhân rộng hoặc cải thiện hiệu quả của chương trình để hỗ trợ cho người dân ở vùng nông thôn tốt hơn. Bên cạnh đó, nghiên cứu này còn đóng góp về góc độ học thuật.</p> <p>Hiệu quả giáo dục - đào tạo khuyến khích các nghiên cứu sinh, các học viên đang học tập tại Khoa kinh tế nói riêng và trường Đại học Kinh tế TP.HCM</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
				2010 và 2012 do Tổng cục thống kê (TCKT) Việt Nam thu thập	nói chung tham gia nhiều hơn vào công tác nghiên cứu khoa học.		
2.	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến thành công của dự án mua bán và sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. NCS-2016-02	NCS Lê Quốc Thành	<p>Sự cần thiết: Ngoài thực tế là nghiên cứu về M&A tại Việt Nam còn rất mới mẻ và thực hiện nghiên cứu liên quan đến M&A trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam hứa hẹn nhiều khám phá mới có ý nghĩa, cũng cần nhấn mạnh rằng M&A tại Việt Nam đang ngày càng trở thành một hoạt động quan trọng của doanh nghiệp. M&A ngày càng trở thành một kênh đầu tư nước ngoài quan trọng cần sự quan tâm của các cơ quan hoạch định chính sách. Nghiên cứu này hứa hẹn cung cấp các bằng chứng thực nghiệm cho công tác xây dựng chính sách chuyên ngành cho M&A tại Việt Nam</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả theo cấu trúc hệ thống toàn cảnh hoạt động M&A tại Việt Nam - Trình bày tổng quan nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam liên quan đến M&A - Tổng kết các nghiên cứu thực nghiệm liên quan đến các nhân tố tác động đến thành công của M&A. - Xây dựng mô hình phân tích - Xác định các nhân tố thành 	<p>Nội dung:</p> <p>Chương 1: Giới thiệu vấn đề nghiên cứu</p> <p>Chương 2: Tổng quan lý thuyết</p> <p>Chương 3: Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận</p> <p>Chương 5: Kết luận và khuyến nghị</p> <p>Phương pháp nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu định tính: nhằm xây dựng mô hình nghiên cứu cho nghiên cứu định lượng. - Nghiên cứu định lượng: Nhằm ước lượng mức độ tác động của các nhân tố lên thành công của dự án M&A, mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là Thành công của dự án M&A được xây dựng với các biến độc lập dự kiến đo lường theo thang Likert, dựa trên khảo sát chuyên gia bằng bảng câu hỏi tự điền (self-completed questionnaire) sẽ được thực hiện 	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội:</p> <p>các nhà quản trị, nhà đầu tư, chuyên gia tư vấn M&A sẽ nắm bắt các nhân tố thành công cốt lõi và nhờ vậy tập trung nguồn lực hữu hạn vào quản trị các nhân tố này góp phần gia tăng xác suất thành công của dự án M&A. các nhà hoạch định chính sách có thể xây dựng các chính sách liên quan đến M&A, trên cơ sở các nhân tố thành công cốt lõi, góp phần thúc đẩy M&A tại Việt Nam, đặc biệt là các M&A xuyên biên giới được coi là một kênh đầu tư nước ngoài quan trọng.</p> <p>Hiệu quả giáo dục – đào tạo: làm cơ sở định hướng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn trong lĩnh vực M&A, làm tài liệu tham khảo khi giảng dạy hoặc làm tài liệu học thuật, cũng như góp phần xây dựng</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>công cốt lõi của M&A tại Việt Nam trong thời chuẩn bị và thực hiện M&A.</p> <p>- Đề xuất các khuyến nghị về chính sách quản lý nhà nước và các hàm ý quản trị nhằm hỗ trợ hoạt động M&A tại Việt Nam</p>		tài liệu chuyên khảo liên quan đến M&A.		
3.	Tác động của thể chế và thu thuế đến tăng trưởng kinh tế: Minh chứng các nền kinh tế đang phát triển. NCS-2016-03	NCS Nguyễn Phương Liên	<p>Sự cần thiết: Thật khó để có thể tìm thấy nghiên cứu về mối quan hệ giữa thể chế (được đo lường với đầy đủ sáu tiêu chí đo lường chất lượng thể chế theo World Bank) và sự tương tác của nó với thu thuế tác động lên tăng trưởng kinh tế như thế nào.</p> <p>Đặc biệt hơn việc xác định rõ mối quan hệ nhân quả giữa thể chế và thu thuế cũng như xem xét tác động của sự tương tác giữa chúng đến tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển mà chủ yếu là quốc gia thu nhập trung bình gần như chưa được tìm thấy trong hai thập kỷ vừa qua. Ngoài ra, các nền kinh tế đang phát triển bao gồm chủ yếu các quốc gia chiếm số lượng 2/3 các nước trên thế giới nhưng thu nhập chỉ chiếm 1/3 toàn cầu. Chính vì vậy mà đề tài nghiên cứu này hướng đến việc phân tích tác động của thể chế và thu</p>	<p>Nội dung: Chương 1: Giới thiệu tổng quan Chương 2: Cơ sở lý thuyết Chương 3: Mô hình và phương pháp nghiên cứu Chương 4: Dữ liệu và kết quả thực nghiệm Chương 5: Kết luận</p> <p>Phương pháp nghiên cứu: (i) Để đạt được mục tiêu đánh giá mối quan hệ giữa thể chế và thu thuế ở nền kinh tế đang phát triển, đề tài triển khai các phương trình sau:</p> $\Delta REV_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 REV_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + X_{it} \beta_3 + \eta_{it} + \epsilon_{it} \quad (1)$ $\Delta INS_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 INS_{it-1} + \beta_2 REV_{it} + X_{it} \beta_3 + \eta_{it} + \epsilon_{it} \quad (2)$ <p>(ii) Để thực hiện đánh giá tác động của thể chế và thu thuế lên tăng trưởng kinh tế, đề tài tiến hành thực nghiệm mô hình sau đây:</p> $\Delta Y_{it} = \alpha_{it} + \beta_0 Y_{it-1} + \beta_1 REV_{it} + \beta_2 INS_{it} + \beta_3 REV_{it} * INS_{it} + X_{it} \beta_4 + \eta_{it} + \epsilon_{it} \quad (3)$	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội: chỉ ra sự khác biệt về thể chế giữa nhóm nước thu nhập trên trung bình với thu nhập dưới trung bình, củng cố các cơ sở và nền tảng đã được các nhà nghiên cứu đi trước nêu ra để định hướng giúp các nhà quản lý và đặc biệt những người hoạch định chính sách công có cái nhìn khoa học hơn trong việc đưa ra các quyết định và ban hành chính sách mang tính chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu cơ bản nhất của Chính phủ là tăng trưởng ổn định với mức thu thuế phù hợp để có thể hấp dẫn các nhà đầu tư.</p> <p>Hiệu quả giáo dục - đào tạo là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích và có giá</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>thuế đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia thu nhập trung bình như thế nào. Liệu rằng với chất lượng thể chế phù hợp, nguồn thu thuế của chính phủ có hợp lý hay không để rồi từ đó tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế? Mối quan hệ giữa thể chế và thu thuế có thay đổi gì về mức độ tác động của chúng lên tăng trưởng kinh tế hay không?</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ mối quan hệ giữa thể chế và thu thuế ở nền kinh tế đang phát triển. - Đánh giá tác động của thể chế và thu thuế lên tăng trưởng kinh tế. 		trị cho các học viên cao học và có thể dùng làm tài liệu giảng dạy cho các sinh viên bậc đại học thuộc chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng nói chung và Tài chính Công nói riêng		
4.	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài với thông báo chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam. NCS-2016-04	NCS Đặng Bửu Kiểm	<p>Sự cần thiết: Tóm lại, cùng với nhận thức chung về vai trò quan trọng của các nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán ở các nước đang phát triển, ở khía cạnh học thuật, chúng tôi cho rằng việc nghiên cứu ở nhiều góc độ về nhà đầu tư nước ngoài là cần thiết và quan trọng tại thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu chung của nghiên cứu là</p>	<p>Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu 2. Cơ sở lý thuyết 3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu 4. Kết quả và thảo luận kết quả 5. Kết luận và kiến nghị <p>Phương pháp nghiên cứu:</p> <p>Phương pháp nghiên cứu sự kiện trong nghiên cứu này được triển khai theo các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1. Xác định sự kiện nghiên cứu. Sự kiện dùng trong nghiên cứu là thời điểm thông báo chia cổ tức bằng tiền mặt, các thông báo này được chúng tôi thu thập trên trang 	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội : Giúp các nhà đầu tư trên thị trường có cái nhìn thực nghiệm về hành vi giao dịch (phản ứng) của các nhà đầu tư nước ngoài với thông báo chi trả cổ tức bằng tiền mặt của các doanh nghiệp.</p> <p>Hiệu quả giáo dục – đào tạo: là tài liệu cho các nhà nghiên cứu sau kế thừa hoặc làm tài liệu tham khảo quan trọng trong việc giảng</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			xem xét phản ứng thể hiện qua khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài với thông báo chia cổ tức bằng tiền của các công ty trong rổ VN30.	web của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. - Bước 2. Xác định các khung thời gian, bao gồm: khung ước lượng là [-76; -16]; khung sự kiện là [-15;15]. - Bước 3. Tính toán khối lượng giao dịch mua và bán bất thường của nhà đầu tư nước ngoài. - Bước 4. Kiểm định khối lượng giao dịch mua và bán bất thường.	dạy tại các trường đại học. Đồng thời, nghiên cứu này góp phần làm phong phú và đa dạng hơn về ứng dụng phương pháp nghiên cứu sự kiện trong tài chính khi mà phương pháp này còn khá mới mẻ ở Việt Nam.		
5.	Cạnh tranh – Hiệu quả và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. NCS-2016-05	NCS Dương Thị Ánh Tiên	Sự cần thiết: Đã có rất nhiều quan điểm trên thế giới nghiên cứu về cạnh tranh và xem xét mối quan hệ giữa sức cạnh tranh-hiệu quả và rủi ro trong ngân hàng. Tuy nhiên, các nghiên cứu về chủ đề này cho các nền kinh tế mới nổi nói chung và Việt Nam nói riêng thì chưa nhiều. Đồng thời, nền kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều khó khăn, thị trường tài chính của mỗi quốc gia cũng đang đối diện với nhiều bất ổn và tiềm ẩn rủi ro. Do đó, việc đánh giá sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và những rủi ro cũng như mối quan hệ giữa chúng của các ngân hàng thương mại là rất cần thiết trong việc dự báo hệ thống tài chính ngân hàng hiệu quả và khoẻ mạnh cho tăng trưởng kinh tế.. Mục tiêu nghiên cứu : i) Ước lượng sức cạnh tranh của các	Nội dung: Chương 1: Tổng quan các vấn đề nghiên cứu thực nghiệm về sức cạnh tranh, hiệu quả và rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Chương 2: Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu. Chương 3: Kết quả nghiên cứu và thảo luận. Chương 4: Một số đề xuất và khuyến nghị nhằm nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cũng như hạn chế được những rủi ro cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu: <i>Ước tính cạnh tranh: sử dụng chỉ số Lerner và Adj_Lerner.</i> <i>Ước tính hiệu quả: Ước tính hiệu quả chi phí và hiệu quả lợi nhuận.</i> Sử dụng phương pháp SFA. <i>Ước tính rủi ro</i> Dùng chỉ số Z-score để đo lường rủi ro ngân hàng (Tabak, Fazio et al. 2012, Beck, De Jonghe et al.	Hiệu quả kinh tế - xã hội: cung cấp tư liệu thực tiễn, giúp cho các nhà quản lý, đặc biệt là những nhà hoạch định chính sách nhằm nâng cao sức cạnh tranh, để đạt hiệu quả hoạt động cao hơn nhưng vẫn đảm bảo tính ổn định cho toàn hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Hiệu quả giáo dục – đào tạo: Tài liệu tham khảo hữu ích và có giá trị cho các học viên cao học, có thể dùng làm tài liệu giảng dạy thuộc chuyên ngành kinh tế nói chung và tài chính ngân hàng nói riêng.	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			ngân hàng thương mại Việt Nam. ii) Ước lượng hiệu quả hoạt động và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. iii) Xác định mối quan hệ giữa sức cạnh tranh, hiệu quả và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam.	2013, Kasman and Carvallo 2014) (Agoraki, Delis et al. 2011, Fu, Lin et al. 2014), dựa thông tin trên bảng cân đối về tài sản, lợi nhuận, thanh khoản, biến động tài sản, đòn bẩy tài chính Mối quan hệ giữa cạnh tranh, hiệu quả và rủi ro: Áp dụng phương pháp thực nghiệm tương đối mới là Granger-Causality kiểm tra mối quan hệ nhận quả giữa cạnh tranh, hiệu quả và rủi ro trong ngân hàng			
6.	Phản ứng của thị trường đối với thông tin đăng ký giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Bằng chứng từ thị trường chứng khoán Việt Nam. NCS-2016-06	NCS La Ngọc Giàu	Sự cần thiết: Theo lý thuyết bất cân xứng thông tin, các cổ đông nội bộ thường được cho là có sở hữu hoặc được tiếp cận với nhiều thông tin hơn và họ có hiểu biết nhiều hơn và tốt hơn so với các cổ đông khác về công ty mà họ đang quản lý. Hơn nữa, theo lý thuyết tín hiệu thì các giao dịch của các nhà quản lý thường được coi là hàm chứa các thông tin, tín hiệu về giá trị công ty. Do vậy, các nhà đầu tư bên ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư nhỏ lẻ thường coi giao dịch của cổ đông nội bộ là các hành vi phản ánh sự tăng (giảm) giá trị công ty và dẫn đến việc tăng (giảm) giá cổ phiếu. Việc nghiên cứu phản ứng của thị trường khi thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ được công bố là	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> Chương 1: Giới thiệu Chương 2: Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu liên quan Chương 3: Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu Chương 4: Phân tích kết quả Chương 5: Kết luận và hàm ý Phương pháp nghiên cứu: phương pháp nghiên cứu sự kiện	Hiệu quả kinh tế - xã hội ... Đề tài đưa ra một số hàm ý kinh tế cho nhà đầu tư và nhà quản lý thị trường Hiệu quả giáo dục – đào tạo Giúp cho NCS hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu, viết bài báo khoa học và là tiền đề cho việc viết luận án tốt nghiệp.	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>cần thiết và có ý nghĩa đối với các nhà đầu tư và cả các nhà làm chính sách.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu: Đề tài này xem xét đến phản ứng của thị trường chứng khoán Việt Nam (thể hiện thông qua giá và khối lượng giao dịch) với các thông báo đăng ký giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.</p>				
7.	<p>Ảnh hưởng của độ mở nền kinh tế đến tác động của chính sách tiền tệ lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát. NCS-2016-07</p>	NCS Lê Duy Khánh	<p>Sự cần thiết: Cùng với chính sách tài khóa, CSTT giữ một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Bên cạnh đó, CSTT cũng có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát lạm phát.</p> <p>Mặt khác, dù còn nhiều bất đồng nhưng nhiều lý thuyết kinh tế đã thừa nhận độ mở của nền kinh tế có ảnh hưởng đến tác động của CSTT lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Về mặt thực nghiệm, trên thế giới cũng đã có những nghiên cứu đề cập đến tác động này. Các nghiên cứu của Karras (1999a, 1999b), Berument và Dogan (2003), Işık và cộng sự (2005), Işık và Acar (2006), Berument và cộng sự (2007) đã cho thấy vai trò của độ mở đối với tác động của CSTT lên tăng trưởng kinh tế, lạm phát và tỷ giá hối đoái, ở các quốc gia phát triển</p>	<p>Nội dung:</p> <p>Chương 1. Giới thiệu. Chương 2. Khung lý thuyết và các bằng chứng thực nghiệm. Chương 3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu. Chương 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận. Chương 5. Kết luận và gợi ý chính sách.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu:</p> <p>Đề tài sử dụng mô hình do Karras (1999a, 1999b) xây dựng để đo lường ảnh hưởng của độ mở nền kinh tế đến tác động của CSTT lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Dữ liệu được đề tài sử dụng tập hợp của 15 - 16 quốc gia chuyển đổi, trong giai đoạn 1999 – 2013 là kiểu dữ liệu bảng (panel data). Vì vậy, đề tài sử dụng phương pháp ước lượng Moment tổng quát hệ thống 2 bước (System Generalized method of moments two-step – SGMM two-step) bởi phương pháp này giải quyết được một số nhược điểm của</p>	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội: Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở để đưa ra những góp ý đối với NHNN về điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam.</p> <p>Hiệu quả giáo dục – đào tạo: Đề tài giúp nghiên cứu hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học theo quy định, cũng như là cơ hội để nghiên cứu sinh thực hành nghiên cứu khoa học, nhận được các ý kiến đóng góp của Hội đồng nhằm hoàn thiện luận án sau này của nghiên cứu sinh.</p>	<p>Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016</p>	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>và cả đang phát triển. Trên cơ sở đó, đề tài là sự bổ sung cần thiết vào các nghiên cứu mang tính thực nghiệm đó. Đề tài sẽ tiến hành đánh giá tác động của CSTT lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở các quốc gia chuyển đổi, trong đó có Việt Nam dưới ảnh hưởng của độ mở nền kinh tế.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá <i>sự thay đổi</i> trong tác động của CSTT lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát dưới ảnh hưởng của độ mở nền kinh tế ở các quốc gia chuyển đổi, trong giai đoạn 1999 – 2013. - Đưa ra một số gợi ý chính sách đối với phương thức điều hành CSTT ở các quốc gia chuyển đổi, đặc biệt là hàm ý đối với Việt Nam trong thời gian tới dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài. 	dữ liệu và mô hình như hiện tượng tự tương quan, phương sai sai số thay đổi, và đặc biệt là vấn đề nội sinh mà các phương pháp khác			
8.	Quản trị công ty và hiệu quả công ty tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. NCS-2016-08	NCS Nguyễn Đình Khôi	<p>Sự cần thiết: Trong nghiên cứu này, điều quan trọng là để xem lại sự tồn tại các quy định và các khung pháp lý của quản trị công ty ở Việt Nam và đánh giá thực hành quản trị tại các công ty trên HOSE. Ngoài ra, do đặc thù văn hóa, xã hội và kinh tế của Việt Nam khác đáng kể so với các nước</p>	<p>Nội dung:</p> <p>Chương 1: Giới thiệu</p> <p>Chương 2: Lược khảo tài liệu</p> <p>Chương 3: Mô hình lý thuyết, phát triển giả thuyết và phương pháp nghiên cứu</p> <p>Chương 4: Dữ liệu và thống kê mô tả</p> <p>Chương 5: Kết quả nghiên cứu và thảo luận</p>	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội ...</p> <p>Đầu tiên, nghiên cứu này sẽ xem xét những yếu tố nào dẫn đến sự thay đổi về điểm quản trị mà cung cấp sự hiểu biết tốt hơn về sự năng động của cơ cấu quản trị công ty. Thứ hai,</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>phương Tây, nên nghiên cứu này sẽ so sánh và đánh giá tính hiệu quả của thực hành CG ở công ty Việt Nam so với các công ty ở các nước phát triển. Vì vậy, điều này cấp thiết để thực hiện một nghiên cứu sâu để đánh giá thực trạng hiện nay của thực hành CG để nhận diện sự thiếu hụt và tìm ra biện pháp sửa chữa để cải tiến thực hành công ty hiện hành.</p> <p>Sự xem xét khác của nghiên cứu này là đánh giá tác động của thực hành quản trị công ty đối với hiệu quả tài chính. Vì vậy, điều này quan trọng để nhận diện yếu tố thực hành quản trị nào tác động hoạt động của công ty. Thông qua phân tích sẽ cung cấp cách nhìn toàn diện của thực hành quản trị của các công ty Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả.</p> <p>Một vấn đề mới nổi lên hiện nay của Việt Nam là các nhà làm luật cố gắng để đo lường thực hành quản trị vì các khía cạnh khác nhau của quản trị công ty có thể không đầy đủ, nhưng Việt Nam hiện nay chưa xây dựng riêng bộ chỉ số CG để phù hợp với điều kiện các công ty Việt Nam. Cho nên, cần phải có nghiên cứu về thực hành CG theo chuẩn quốc tế trước. Qua</p>	<p>Chương 6: Kết luận và kiến nghị Tài liệu tham khảo</p> <p>Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu sẽ sử dụng hai mô hình hồi quy OLS. Mô hình OLS đầu tiên sử dụng chỉ số quản trị công ty tổng (biến tổng CGI – là điểm trung bình của 179 câu trả lời về thực hành quản trị công ty). Mục đích là để phân tích ảnh hưởng chung của CGP đến CFP.</p> $CFP_{i,t} = \alpha_i + \beta_1 CGP_{i,t} + \beta_2 Age_{i,t} + \beta_3 Size_{i,t} + \beta_4 Leverage_{i,t} + \varepsilon_{i,t}$ <p>Mô hình hồi quy OLS thứ hai, hiệu quả tài chính được sử dụng như là biến phụ thuộc, trong khi đó chỉ số hiệu quả quản trị công ty được sử dụng như biến độc lập. CGP được phân thành 5 biến tiêu mục của 179 câu hỏi để xem xét yếu tố quản trị nào có ảnh hưởng cao hơn đối với hiệu quả tài chính.</p> $CFP_{i,t} = \alpha_i + \beta_1 CGP_{1i,t} + \beta_2 CGP_{2i,t} + \beta_3 CGP_{3i,t} + \beta_4 CGP_{4i,t} + \beta_5 CGP_{5i,t} + \beta_6 Age_{i,t} + \beta_7 Size_{i,t} + \beta_8 Leverage_{i,t} + \varepsilon_{i,t}$	<p>cung cấp thông tin về sự đánh đổi giữa lợi ích và chi phí trong việc thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn về quản trị, điều này chưa được rõ ràng giữa vấn đề cải thiện thực hành quản trị thì có giúp nâng cao hiệu quả công ty trong bối cảnh của Việt Nam.</p> <p><i>Hiệu quả giáo dục – đào tạo</i> là nguồn tài liệu nhằm giúp cho các quy tắc quản trị ở các công ty đạt hiệu quả hơn.</p>		

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>đó, xác định được các nội dung chính để đánh giá sự phù hợp của thực hành CG theo đặc thù của các công ty Việt Nam trên nền tảng của chuẩn quốc tế. Từ đó, các nhà làm luật có thể xây dựng bộ chỉ số phù hợp và đo lường sẽ dễ dàng hơn.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Lược khảo các yếu tố tác động đến quản trị công ty. 2) Đánh giá mối quan hệ thực hành CG giữa các công ty niêm yết trên HOSE. 3) Xem xét mối quan hệ giữa CGI và hiệu quả công ty, giá trị công ty, rủi ro thị trường. 4) Nhận xét về sự phù hợp của thực hành CG tại các công ty trên HOSE ở Việt Nam với bộ chỉ số đo lường CG (CGI) đang được áp dụng phổ biến theo OECD. 				
9.	Nghiên cứu tác động của thành phần thông tin lên độ bất ổn của tỷ giá. NCS-2016-09	NCS Nguyễn Phuong Duy	<p>Sự cần thiết:</p> <p>Nghiên cứu hướng đến việc làm rõ vai trò của thông báo trong việc đóng góp vào đặc điểm của sự bất ổn tỷ giá. Các kết quả nhằm giải quyết thực tế là việc mua bán và biến động thường xảy ra trong khoảng một giờ/ngày sau thông báo. Những thông báo ảnh hưởng mạnh đến việc hoàn trả ngoại tệ</p>	<p>Nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô tả chung 2. Giới thiệu đề tài 3. Tổng quan lý thuyết 4. Mô tả nghiên cứu 5. Phương pháp nghiên cứu 6. Khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu 7. Danh mục tài liệu tham khảo <p>Phương pháp nghiên cứu:</p> <p>Đối tượng nghiên cứu là các thông</p>		Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>cũng có xu hướng làm tăng sự biến động. Chế độ tỷ giá ở nước ta có những đặc thù riêng chịu sự quản lý của Nhà nước..Nghiên cứu nhằm xem xét sự can thiệp của ngân hàng trung ương trong việc công bố các thông tin nhằm điều chỉnh sự bất ổn của tỷ giá hối đoái thực sự có ảnh hưởng như thế nào trong thực tế. Việc nghiên cứu các thông báo và độ ổn định có ảnh hưởng trực tiếp đến các chính sách. Ví dụ, một số nhà phân tích đề nghị tăng thuế đánh trên giao dịch ngoại hối nhằm làm giảm các cáo buộc vô nghĩa về việc làm "tăng thêm" độ bất ổn.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu: xem xét lại các tác động giữa các tin tức tích cực và tiêu cực và xem xét mở rộng với các tin tức chứa đựng các thông tin mâu thuẫn.</p>	<p>báo của Ngân hàng nhà nước và tỷ giá VND/USD. Phạm vi nghiên cứu tỷ giá VND/USD. Phương pháp đo lường độ bất ổn của ngoại hối: Các thang đo độ bất ổn đáp ứng khác nhau trước các thông báo vì chúng biến động theo những cách khác nhau Phương pháp phân loại thông tin dựa trên độ bất ngờ và tính mâu thuẫn: Một thông báo định kỳ có thể được dự đoán sẽ thay đổi độ bất ổn trước hoặc sau khi công bố. Bên cạnh đó, thông tin bất ngờ trong thông báo có thể ảnh hưởng độ bất ổn bởi các giao dịch tức thời do các kỳ vọng thay đổi. Các nhà nghiên cứu dùng cả hai thang đo là chỉ số thông báo và độ bất ngờ bởi chúng tạo ra những hiệu ứng khác nhau.</p>			
10.	Xu hướng phát triển kinh tế tư nhân vùng Đông Nam Bộ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 NCS-2016-10	NCS Nguyễn Hữu Trinh	<p>Sự cần thiết: Vùng Đông Nam Bộ (ĐNB) bao gồm 6 tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh; được đánh giá là Vùng kinh tế năng động nhất của cả nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn vùng luôn ở mức rất cao. Đây là khu vực dẫn đầu cả nước về kim</p>	<p>Nội dung: PHẦN MỞ ĐẦU CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH CNH-HĐH CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KTTN VÙNG ĐNB GIAI ĐOẠN 2000 -2014, XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 VÀ TẦM</p>	<p>Hiệu quả kinh tế - xã hội: đề xuất các giải pháp phát triển cho giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tài liệu tham khảo hữu ích cho những ai quan tâm đến KTTN và đầu tư tư nhân trên địa bàn ĐNB; tài liệu tham</p>	Tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016	10 triệu

TT	TÊN ĐỀ TÀI, MÃ SỐ	CHỦ NHIỆM	SỰ CẦN THIẾT & MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	NỘI DUNG & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	HIỆU QUẢ	THỜI GIAN	KINH PHÍ
			<p>ngạch xuất khẩu, vốn đầu tư nước ngoài, đóng góp 2/3 ngân sách và tỷ lệ đô thị hóa cao. Trong sự phát triển mạnh mẽ đó, khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) vùng ĐNB là một bộ phận kinh tế có những đóng góp rất lớn cho tỷ trọng GDP quốc gia, việc tạo công ăn việc làm, đóng góp cho ngân sách nhà nước... nên việc nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự phát triển của KTTN Vùng và xu hướng vận động của nó là điều hết sức cần thiết.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu sự phát triển KTTN vùng ĐNB trong quá trình CNH, HĐ giai đoạn 2000 - 2014, phân tích, đưa ra các dự báo về xu hướng phát triển KTTN và đưa ra các giải pháp phát triển KTTN vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030</p>	<p>NHÌN ĐẾN NĂM 2030 CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KTTN VÙNG ĐNB TRONG QUÁ TRÌNH CNH-HĐH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030</p> <p>Phương pháp nghiên cứu: Các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành</p>	<p>khảo cho chính quyền Vùng ĐNB trong việc hoạch định chính sách phát triển KTTN Vùng.</p> <p>Hiệu quả giáo dục – đào tạo Đề tài là một chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến luận án của Nghiên cứu sinh; làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên nghiên cứu về KTTN, nghiên cứu về chuyên ngành kinh tế chính trị...</p>		
TỔNG KINH PHÍ							100 triệu